TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2024/QĐST-VDS	*Mai Sơn, ngày 30 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 31/2024/VDS-HNGĐ ngày 15/10/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lò Văn T, sinh năm 1995. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Bản M S , xã Chi L , huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Chị Lường Thị D, sinh năm 1997. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Bản M S , xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Lường Thị D kết hôn với nhau vào năm 2016 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường É, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La vào ngày 29/02/2016.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên sảy ra bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Đến năm 2023 anh chị đã sống ly T trong suốt thời gian ly T anh chị không ai quan tâm đến ai. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, không thể quay lại chung

sống. Tại phiên hòa giải, anh T, chị D xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh T, chị D xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung; Thống nhất thỏa thuận. Sau khi ly hôn anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Trọng Hiếu, sinh ngày 04/07/2017 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T chưa yêu cầu. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với đều kiện kinh tế của các bên và đảm bảo cho sự phát triển của con chung nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Không có.

[5] Về lệ phí tòa án: Anh Lò Văn T và chị Lường Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 22 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lò Văn T và chị Lường Thị D.

- Về con chung: Anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Trọng Hiếu, sinh ngày 04/07/2017 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị D được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở chị D thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

- Về nợ chung vợ chồng**:** Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T, chị D được miễn lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Mường É, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh